TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 29/3/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Lam và ông Lê Đình Khôi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị L** – sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ x, ấp TL, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Đặng Thị L2** – sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ z, ấp TL 1, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị **Nguyễn Thị Hồng Vân** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp z, xã PĐ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà L có quen biết bà L2 nên có cho bà L2 vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bao gồm ngày 26/01/2016 vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và ngày 06/10/2017 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bà L2 đã trả xong tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn nợ tiền lãi 6.000.000đ (Sáu triệu

đồng) nhưng bà L đồng ý giảm tiền lãi còn lại là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà L có cho chị V vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), bao gồm ngày 14/10/2016 vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và ngày 14/01/2016 vay 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Chị V đã trả xong tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), còn nợ tiền lãi 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), nhưng bà L cho 5.000.000đ (Năm triệu đồng) còn thiếu lại 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Theo giấy không ghi ngày, tháng năm (nhưng thực tế là tháng 01/2021) thì bà L2, chị V đã xác nhận nợ lãi.

Bà L khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị L2, chị Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền lãi 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng); cụ thể bà L2 trả tiền lãi 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) và chị V trả tiền lãi 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Tuy nhiên, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung chị V phải trả số tiền lãi còn lại là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), lý do vì chị V thừa nhận số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), đã xác nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nên không cần chứng minh và không cần đi giám định.

Bà rút yêu cầu khởi kiện số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đối với chị V và rút yêu cầu khởi kiện số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) đối với bà L2, tạm thời chưa yêu cầu giải quyết.

Đối với việc thanh toán tiền lãi, tiền gốc trước kia cho bà L thì bà L2, chị V trả trực tiếp, không có giấy tờ biên nhận, bà không có ý kiến về việc thanh toán số tiền gốc, tiền lãi đã nhận này và yêu cầu tiền lãi chưa thanh toán theo giấy xác nhận lãi. Đối với số tiền lãi được tính sau khi trừ tiền lãi đã giảm đi thì rất thấp nên không vi phạm quy định của pháp luật.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Đặng Thị L2 trình bày:

Bà L2 nhận thấy bà L đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bà nên không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai. Tuy nhiên, căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú tại vụ án thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đã được giải quyết theo Bản án số 10/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 thì chị V đã thừa nhận nợ của bà L số tiền lãi 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà L, bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa; đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị V có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Đặng Thị L2, chị Nguyễn Thị Hồng V có nơi cư trú tại xã PT và xã PĐ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Bà Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu bà L2, chị V có nghĩa vụ trả số tiền lãi của tiền nợ gốc đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà L là người khởi kiện bà L2, chị V nên xác định tư cách đương sự bà L là nguyên đơn, bà L2 và chị V là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Bà L cho bà L2 vay tiền ngày 26/01/2016 và ngày 06/10/2017, cho chị V vay tiền ngày 14/10/2016 và ngày 14/01/2016; đã trả tiền gốc và nợ lãi theo giấy nhận nợ nhưng không ghi ngày, tháng, năm cụ thể. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú thì chị V có xác nhận nợ lãi chưa trả, riêng đối với yêu cầu khởi kiện đối với bà L2 thì bà L đã rút yêu cầu. Căn cứ theo Điều 429, điểm d Điều 688 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng là 03 (ba) năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, tuy nhiên theo Điều 429 Bộ luật dân sự thì Tòa án chỉ áp dụng về thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết, không xem xét về thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà L, bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà L khởi yêu cầu chị V có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền lãi 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Đối với việc bà L rút cầu khởi kiện chị V số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và rút yêu cầu khởi kiện bà L2 số tiền lãi 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ.

[2.1] Các văn bản nội dung vay tiền ngày 26/01/2016, ngày 06/10/2017, ngày 14/10/2016, ngày 14/01/2016, giấy xác nhận nợ lãi theo giấy nhận nợ (nhưng không ghi ngày, tháng, năm cụ thể) thì các đương sự đã thừa nhận, thống nhất tại vụ án thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đã được giải quyết theo Bản án số 10/2023/DS-ST ngày 14/4/2023; đây là các giao dịch dân sự do các bên bà L và bà L2, chị V tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật; đây là tình tiết không phải chứng minh nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với việc bà L rút một phần cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ, trường hợp nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện tại vụ án khác.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, do đương sự đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền lãi của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Do nguyên đơn trình bày đã trả tiền gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Hoàng Thị L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Bà Đặng Thị L2 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 6.000.000đ x 5% = 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 223, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị L số tiền nợ lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L đã rút đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền nợ lãi 1.000.000đ (Một triệu đồng); đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L đã rút đối với bà Đặng Thị L2 số tiền nợ lãi 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ: Bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị L, bà Đặng Thị L2 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng